

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2022

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Sơn Hóa

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXX - ST ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà N.A.P, sinh năm 1973**

Hộ khẩu thường trú: Số 40H, tổ 45B, phường Phương Liên, quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: P031205, nhà Park3 - Park Hill Times City, phường M.Đ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

2. Bị đơn: **Ông T.M.H, sinh năm 1971**

Hộ khẩu thường trú: Số 40H, tổ 45B, phường Phương Liên, quận Đ.Đ,
Thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: P030204, nhà Park3 - Park Hill Times City, phường M.Đ,
quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà N.A.P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T.M.H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Liệt, quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 08 tháng 6 năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau; ông Hà thường xuyên đi vắng nhà không nói rõ lý do. Năm 2011, bà đã từng xin ly hôn ông Hà tại Tòa án nhân dân quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết, được Tòa án hòa giải bà đã rút đơn.

Tuy nhiên, từ năm 2019, ông bà lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Ông bà cũng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Bây giờ, bà không còn quan tâm đến ông Hà. Bà khẳng định cuộc sống chung với ông Hà không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hà.

- Về con chung: Bà và ông T.M.H có 02 con chung là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 05/11/1995 (nam) và Trần Đức Huy, sinh ngày 10/6/2006. Cháu Hùng đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Huy bà xin trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi ông bà sống ly cháu Huy ở với bà. Việc cấp dưỡng, bà không yêu cầu ông Hà phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Bà tự thỏa thuận với ông Hà, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Bà với ông Hà cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và văn bản tố tụng khác bị đơn ông T.M.H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn với bà N.A.P là đúng. Ông kết hôn với bà Phụng là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Ông thừa nhận hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Chuyện tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Phụng là trầm trọng, không hàn gắn được. Nay bà Phụng yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông T.M.H cũng xác nhận có 02 con chung với bà Phụng là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 05/11/1995 và Trần Đức Huy, sinh ngày 10/6/2006. Cháu Hùng đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Huy ông đồng ý để bà Phụng trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Ông với bà Phụng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Ông với bà Phụng cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

[1] Nguyên đơn bà N.A.P tiếp tục khẳng định tình cảm vợ chồng với ông Hà không còn; mâu thuẫn là trầm trọng; cuộc sống chung không có hạnh phúc; không thể quay về đoàn tụ được. Vì vậy, bà tiếp tục yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ly hôn ông T.M.H; các yêu cầu khác bà không thay đổi.

[2] Bị đơn ông T.M.H vắng mặt: Tòa án đã công bố lời trình bày của ông Hà thể hiện trong hồ sơ vụ án. Sau khi nghe công bố, bà Phụng vẫn giữ nguyên quan điểm là yêu cầu được ly hôn ông Hà.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý Đơn ly hôn của bà N.A.P đối với ông T.M.H là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa

án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thứ ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hà đã nhiều lần vắng mặt theo giấy báo của Tòa án. Điều này đã gây khó khăn cho Tòa án khi giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích cơ sở pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà Phượng vẫn cương quyết đòi ly hôn với ông Hà. Mặt khác, ông Hà cũng đồng ý ly hôn bằng văn bản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phượng, xử cho bà Phượng được ly hôn ông Hà. Việc nuôi con chung: Cháu Hùng đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không xét. Còn cháu Huy giao cho chị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của cháu và quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: không xét vì ông bà không yêu cầu; về khoản nợ chung: không xem xét vì ông bà cùng khẳng định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N.A.P có Đơn ly hôn đối với ông T.M.H, cùng cư trú tại: khu Park Hill - Times City, phường M.Đ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N.A.P và ông T.M.H, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Liet, quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 08/6/1995. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà không hợp nhau về tính cách; bất đồng quan điểm sống; có sự xúc phạm nhau; ông Hà thường xuyên vắng nhà nhưng không nói lý do với vợ con... Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bản thân ông bà đều thừa nhận đã sống ly thân nhiều năm, không thể hàn gắn đoàn tụ

Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà Phượng cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Hà. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho bà Phượng ly hôn ông Hà.

Về con chung: Bà N.A.P và ông T.M.H cùng xác nhận xác nhận có 02 con chung là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 05/11/1995 và Trần Đức Huy, sinh ngày 10/6/2006. Cháu Hùng đã 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Tòa không xem xét. Còn cháu Huy ông bà thỏa thuận giao cho bà Phượng trực tiếp nuôi dưỡng, cần được chấp nhận; việc cấp dưỡng bà Phượng không yêu cầu nên tạm hoãn đối với ông Hà.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Bà N.A.P và ông T.M.H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Về khoản nợ chung: Bà N.A.P và ông T.M.H cùng xác định không có, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà N.A.P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông T.M.H không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.A.P. Bà N.A.P được ly hôn ông T.M.H.

2. Về nuôi con chung: Xác nhận bà N.A.P và ông T.M.H có 02 con chung là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 05/11/1995 và Trần Đức Huy, sinh ngày 10/6/2006. Con chung Trần Mạnh Hùng đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ hành vi dân sự, Tòa không xét; giao con chung Trần Đức Huy cho bà N.A.P trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N.A.P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.M.H cho đến khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung: Bà N.A.P và ông T.M.H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

4. Về khoản nợ chung: Bà N.A.P và ông T.M.H cùng xác nhận không có. Tòa không xét.

5. Về án phí: Bà N.A.P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0050146 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Bà N.A.P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà N.A.P được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T.M.H được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
- UBND phường Trung Liệt, quận Đ.Đ, TP. Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 51, quyền 01/1995);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiêu